

Bản án số: 13/2023/KDTM-PT

Ngày: 05/10/2023

V/v: “Tranh chấp Hợp đồng thi công”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Hoàng Anh.

Ông Trương Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Bà Lê Thị Vẹn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2023/TLPT-KDTM ngày 18 tháng 7 năm 2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/202023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty TNHH K VN; Địa chỉ trụ sở: Cụm Công nghiệp C 1, xã C, thị xã T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lui Hiu C – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: phường B, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH N; Địa chỉ: phường T, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền số 53/2022/HĐUQ ngày 11 tháng 7 năm 2022).

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH N: Ông Nguyễn Trọng H – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L; Địa chỉ trụ sở: Tổ 2, khu phố M, phường M, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chương Séc K – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: Thôn H, xã K, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phùng Văn H1; Địa chỉ: phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 5 năm 2023 (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất cơ khí A; Địa chỉ trụ sở: Tổ 1, ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1973 – Giám đốc; Địa chỉ: xã A, huyện L, tỉnh Đ (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.2. Công ty TNHH K2 VN; Địa chỉ trụ sở: phường Đ, Quận M, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lui Hiu C – Chức vụ: Giám đốc; Địa chỉ: phường B, Quận M, Thành phố H. (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

3.3. Công ty TNHH Tư Vấn Dự Án S; Địa chỉ trụ sở: Quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc A – Chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt – Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Công ty TNHH K VN là nguyên đơn và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH K VN trình bày:*

Ngày 05/6/2020, Công ty TNHH K VN (Gọi tắt là Công ty K) và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L (Gọi tắt là Công ty L) cùng ký hợp đồng thi công số VN 20107 (Gọi tắt là Hợp đồng VN 20107). Hợp đồng có nội dung cơ bản như sau:

- Công ty L chế tạo và lắp đặt chín (09) bồn chứa 50 KL (Tương đương 50m³) bằng thép không gỉ 304 cho Công ty K.

- Tổng giá trị hợp đồng là 6.182.000.000 đồng; Sau 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Công ty K thanh toán cho Công ty L 30% giá trị dự toán của hợp đồng là 1.854.600.000 đồng; 70% giá trị còn lại được thanh toán khi kết thúc hợp đồng;

- Trước khi thi công, Công ty L có nghĩa vụ đề xuất kế hoạch công việc và được Công ty K chấp thuận để làm căn cứ thực hiện gia công thiết bị.

- Công ty K có quyền chỉ định đơn vị giám sát độc lập;

- Phạt hợp đồng là 0,01%/ tổng giá trị hợp đồng/ ngày vi phạm...

Sau khi ký hợp đồng thi công với Công ty L, Công ty K ký hợp đồng thuê đơn vị tư vấn quản lý dự án là Công ty TNHH Tư vấn dự án S (Gọi tắt là Công ty S) để tư vấn nhà máy hoá chất, giám sát công trình của Công ty K ở B, trong đó có hoạt động kiểm tra, giám sát sản phẩm của K đặt hàng Công ty L thi công.

Do Công ty K chưa hoàn thành một số thủ tục về pháp nhân nên không thể thực hiện việc chuyển tiền cho Công ty L. Do đó, Công ty TNHH K2 VN (là Công ty con của K2 International Company Limited) thay mặt Công ty K thực hiện chuyển tiền. Ngày 22/6/2020, Công ty L đã nhận được số tiền 1.854.600.000 đồng.

Từ ngày 17/7/2020, Công ty L tham gia các cuộc họp hàng tuần với Công ty S để thảo luận về việc triển khai công việc. Ban đầu Công ty L thông báo sản phẩm được thiết kế theo tiêu chuẩn CNS, sau đó các bên cùng đồng ý sản phẩm được thi công theo tiêu chuẩn API 650.

Ngày 24/8/2020, Công ty K phát hiện sản phẩm thi công sai thiết kế và yêu cầu dừng thi công.

Sau đó, Công ty L đã chuyển sang thiết kế bồn theo tiêu chuẩn API 650 (Tiêu chuẩn quốc tế về bồn chứa). Ngày 16/10/2020, Công ty L đã hoàn tất hồ sơ thiết kế theo tiêu chuẩn API 650. Theo tiêu chuẩn này thì thành bồn phải có độ dày tối thiểu là 5mm, đường kính trong của cửa người chui là 500mm. Mặc dù các bên có thỏa thuận như trên nhưng Công ty L đã sản xuất một số hạng mục, trong đó có thang lồng, lan can, miệng cổ cửa người chui có đường kính trong 435mm, sản phẩm sản xuất không theo tiêu chuẩn API 650. Để khắc phục lỗi này, Công ty K đồng ý cho Công ty L hàn thêm thanh gia cường viền theo bên ngoài thành bồn. Riêng hạng mục cửa người chui phải làm lại. Bởi vì theo báo giá trong hợp đồng thì đường kính cửa người chui là 600mm, theo tiêu chuẩn API là 500mm, tuy nhiên thực tế phía Công ty L đã thi công đường kính chỉ có 435mm nên không đáp ứng tiêu chuẩn cũng như theo hợp đồng, gây khó khăn cho Công ty K trong quá trình vận hành.

Do sản phẩm gia công theo tiêu chuẩn API650 sẽ phát sinh chi phí sản xuất nên Công ty L yêu cầu Công ty K phải trả chi phí này thì Công ty K đồng ý. Ngày 29/12/2020, Công ty L yêu cầu Công ty K ký Thư ghi nhớ nêu những điều khoản có lợi cho Công ty L ở những dự án tiếp theo thì Công ty L mới tiếp tục thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm thi công, Công ty L không đồng ý cho đơn vị tư vấn giám sát của Công ty K tham gia làm việc và không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Trong các ngày 08/01/2021, 09/01/2021, 11/01/2021 và ngày 12/01/2021, hai công ty đã thảo luận qua e mail với nội dung: Công ty L có yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công số VN20107 và đề nghị Công ty K phải thanh toán số tiền 3.800.000.000 đồng cho Công ty L để thanh toán tiền vật tư.

Ngày 24/5/2021, Công ty L đã gửi thư cho Công ty K và yêu cầu trả lời hạn chót là ngày 10/6/2021. Để phúc đáp, Công ty K đã gửi thư yêu cầu qua email vào ngày 09/6/2021 và qua đường bưu điện vào ngày 10/6/2021. Đến ngày 12/6/2021, Công ty L đã gửi công văn để thông báo cho Công ty K là họ không nhận bất kỳ phản hồi nào từ Công ty K trước ngày 10/6/2021 và đã thanh lý tất cả vật liệu đã mua trong khi đã nhận được thư của Công ty K qua email vào ngày 09/6/2021. Đến ngày 14/6/2021, Công ty L đã thông báo cho Công ty K là Công ty L đã thanh lý hết nguyên vật liệu rồi. Công ty K không đồng ý với hành động thanh lý nguyên vật liệu không đúng và yêu cầu Công ty L hoàn trả khoản thanh toán trước không muộn hơn ngày 30/6/2021. Tuy nhiên cho đến nay thì phía Công ty L đã không có thiện chí thương lượng và trao đổi với Công ty K.

Vì vậy, Công ty K khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc Công ty L phải thanh toán lại số tiền đã tạm ứng 30% là 1.854.600.000 đồng.

- Lãi suất trả chậm 10%/năm tạm tính từ ngày 22/06/2020 đến 08/05/2023 (ngày tuyên án sơ thẩm) là: $1.854.600.000 \times 10\%/12/30 \times 34,5 \text{ tháng} = 533.197.500$ đồng.

- Phạt quá hạn mỗi ngày là 0,01% theo giá trị hợp đồng đã ký tạm tính từ ngày 22/6/2020 đến 08/5/2023 (ngày tuyên án sơ thẩm) là : $0,01\% \times 6.182.000.000 \times (34,5 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) 1.035 \text{ ngày} = 646.637.200$ đồng.

- Mức phạt vi phạm hợp đồng là: $8\% \times 1.854.600.000 \text{ đồng} = 148.368.000$ đồng.

- Tiền trả cho đơn vị tư vấn giám sát S để kiểm tra thiết kế bồn và giám sát chế tạo bồn là 394.094.000 đồng.

Tổng số tiền là: $1.854.600.000 + 538.864.300 + 646.637.200 + 148.368.000 + 394.094.000 = 3.576.896.700$ đồng.

Công ty K đồng ý chấm dứt hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty K với Công ty L.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại của Công ty L do Công ty L là bên có lỗi dẫn đến hợp đồng không thực hiện được.

2. Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện của bị đơn Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L trình bày:

Công ty L thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, nội dung và các điều khoản đã ký kết tại Hợp đồng VN 20107 giữa Công ty K và Công ty L là đúng sự thật và không bổ sung gì thêm.

Công ty K đưa ra yêu cầu khởi kiện là dựa vào dự thảo hợp đồng chế tạo và lắp đặt chín (09) bồn chứa 50 KL bằng thép không gỉ 304 với giá trị hợp đồng là 6.182.000.000 đồng. Căn cứ dự thảo hợp đồng này, Công ty K nhờ Công ty TNHH K2 VN thay mặt Công ty K để thanh toán tạm ứng 30% giá trị hợp đồng tương đương 1.854.600.000 đồng cho Công ty L. Cũng từ dự thảo hợp đồng trên Công ty K tiếp tục thuê đơn vị tư vấn giám sát là Công ty TNHH Tư vấn dự án S để làm việc với Công ty L hàng tuần từ ngày 17/12/2020. Công ty L không đồng ý cho đơn vị tư vấn giám sát tham gia giám sát, kiểm tra chất lượng hàng hoá mà Công ty L đang thi công cho K vì nó không được quy định cụ thể trong hợp đồng thi công giữa hai công ty đã ký.

Sau đó, Công ty K đưa ra lý do Công ty L từ chối thực hiện hợp đồng là do lỗi của Công ty L là không đúng. Công ty L yêu cầu Công ty K thanh toán cho Công ty L số tiền 3.800.000.000 đồng để Công ty L thanh toán tiền mua vật tư khi chấm dứt hợp đồng. Sau nhiều lần thương lượng giữa hai bên không đi đến thống nhất quan điểm để kết thúc hợp đồng. Căn cứ vào những tài liệu chứng cứ Công ty K cung cấp cho Tòa án đã xác định Công ty K không thừa nhận hợp đồng giữa K và Công ty L.

Do vậy, xét về tính pháp lý và căn cứ khởi kiện của Công ty K thì Công ty L đề nghị bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Về nội dung yêu khởi kiện của Công ty K, Công ty L có các ý kiến sau:

- Việc Công ty K yêu cầu Công ty L thanh toán lại cho Công ty K số tiền đã tạm ứng 30% tương đương 1.854.600.000 đồng là xuất phát từ tranh chấp Hợp đồng số VN20107. Theo Điều 4 của Hợp đồng thì đây là “Khoản tiền thanh toán tạm ứng” tương đương 30% giá trị của Hợp đồng nhằm đảm bảo cho việc Công ty L thực hiện công việc thi công và lắp đặt 09 (chín) bể chứa 50KL bằng thép không gỉ 304. Ngày 22/6/2020, Công ty L thông báo đã nhận được khoản tiền tạm ứng tương đương 30% giá trị hợp đồng do Công ty K2 VN thanh toán giúp cho Công ty K theo đúng quy định của hợp đồng. Từ những nội dung như đã đề cập ở trên, do vậy không thể nói rằng Công ty L đã vi phạm hợp đồng. Thực tế Hợp đồng thi công số VN20107 giữa Công ty K với Công ty L đã được hai bên giao kết theo đúng quy định của pháp luật. Mà đã là hợp đồng giao kết hợp pháp thì theo quy định Bộ luật Dân sự “Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng”.

- Ngay sau khi nhận được khoản tiền tạm ứng từ K, để triển khai thực hiện hợp đồng theo đúng tiến độ như đã cam kết thì ngày 22/6/2020 Công ty L đã ký Hợp đồng thi công số VN20107A với nhà thầu phụ là Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất cơ khí A (“A”) để “Thi công và lắp đặt dự án bể chứa 50KL bằng thép không gỉ 304 cho Công ty TNHH K VN”. Tổng giá trị hợp đồng là 4.999.500.000 đồng (Bao gồm 10% thuế VAT). Đồng thời, Công ty L cũng đã tiến hành việc mua sắm vật tư, thiết bị để phục vụ việc thi công.

Tuy nhiên, đang trong quá trình Công ty L thực hiện hợp đồng thì ngày 11/01/2021, Công ty L nhận được email từ Công ty K thông báo “Sẽ kết thúc dự án ở trạng thái hiện tại, các vật liệu và chi phí sẽ được xác minh và bàn giao”. Ngay sau khi nhận được thông báo qua email về việc sẽ kết thúc thực hiện dự án từ Công ty K; ngày 12/01/2021, Công ty L đã phúc đáp email gửi Công ty K trên tinh thần tôn trọng quyết định của Công ty K. Đồng thời thể hiện quan điểm hai bên nên hợp tác và quyết toán chi phí vật liệu trong thời gian sớm nhất.

Cùng ngày 12/01/2021, bà Ella Lui C đại diện của Công ty K đã gửi email cho Công ty L xác nhận đã nhận được email phản hồi của Công ty L. Đồng thời thông báo cho Công ty L biết “Sẽ bắt đầu các thủ tục liên quan”. Sau đó Công ty L đã nhiều lần gửi email và văn bản trực tiếp cho Công ty K đề nghị hai bên thực hiện các thủ tục thanh lý chấm dứt hợp đồng nhưng đã không nhận được sự hợp tác và phản hồi từ phía Công ty K.

Kể từ khi nhận được thông báo dừng thi công từ Công ty K thì Công ty L đã rất thiện chí và mong muốn hai bên sớm giải quyết vụ việc. Do vậy, ngày 14/01/2021, Công ty L đã gửi Công ty K “Bảng thanh lý – thanh lý Hợp đồng VN 20107-Thiết bị bồn chứa 50KL”. Mục đích là để thông báo và yêu cầu Công ty K nếu không tiếp tục thực hiện hợp đồng thì hai bên cần tiến hành thanh lý và Công ty K phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng (Tự ý chấm dứt hợp đồng).

Do vậy, việc Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty L phải hoàn trả khoản tiền đã tạm ứng 1.854.600.000 đồng, tiền lãi phát sinh và các loại tiền phạt khác là hoàn toàn không có cơ sở. Công ty L đề nghị Tòa án bác bỏ toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của Công ty K. Lý do, Công ty K là bên vi phạm hợp đồng chứ không phải Công ty L. Hiện nay Công ty L là bên đang bị thiệt hại và mức thiệt hại thực tế đã xảy ra lớn hơn số tiền đã nhận tạm ứng từ phía Công ty K. Đồng thời, Công ty L yêu cầu Công ty K có nghĩa vụ phải bồi thường thiệt hại cho Công ty L.

Việc Công ty K yêu cầu Công ty L thanh toán các khoản lãi suất chậm trả, phạt quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và tiền trả cho đơn vị tư vấn giám sát thì Công ty L có ý kiến như sau:

Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty K và Công ty L là hợp đồng đã được giao kết hợp pháp. Hai bên giao kết hợp đồng đều đã thực hiện một phần nghĩa vụ của mình. Cụ thể, Công ty K đã thực hiện việc thanh toán tạm ứng cho Công ty L 30% giá trị hợp đồng. Công ty L đã thực hiện một phần công việc là ký hợp đồng với nhà thầu phụ và mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị để thi công. Tuy nhiên, đang trong quá trình thi công và thực hiện hợp đồng thì Công ty K đã tự ý chấm dứt hợp đồng. Do vậy, việc Công ty K cho rằng Công ty L đã vi phạm hợp đồng và yêu cầu Công ty L phải hoàn trả khoản tiền tạm ứng 1.854.600.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả, tiền phạt quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và tiền trả cho đơn vị tư vấn giám sát là không có cơ sở và không đúng với bản chất thực tế của vụ việc.

Hơn nữa, chính Công ty K cũng không thừa nhận sự tồn tại của hợp đồng giữa Công ty K và Công ty L, nên không có cơ sở để Công ty K cho rằng Công ty L đã vi phạm hợp đồng và yêu cầu Công ty L phải thanh toán số tiền tạm ứng các khoản bồi thường thiệt hại. Mặt khác, do hành vi vi phạm hợp đồng của Công ty K mà Công ty L đã phải chịu thiệt hại lớn hơn khoản tiền đã nhận tạm ứng từ Công ty K đó là khoản chi tạm ứng cho Nhà thầu phụ và chi phí mua nguyên vật liệu để thi công.

Do vậy, việc Công ty K yêu cầu Công ty L thanh toán các khoản lãi suất chậm trả, phạt quá hạn, phạt vi phạm hợp đồng và tiền trả cho đơn vị tư vấn giám sát như trong đơn khởi kiện là hoàn toàn không có cơ sở. Vì tất cả các lý do trên, Công ty L đề nghị quý Tòa bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty K.

Để thể hiện thiện chí hòa giải Công ty L sẽ thanh toán cho Công ty K 20% của số tiền 1.854.600.000 đồng đã nhận tạm ứng từ Công ty K là 370.920.000 đồng. Tuy nhiên, do không thỏa thuận được nên Công ty L có yêu cầu phản tố như sau:

Yêu cầu Tòa án tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công số VN-20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty K và Công ty L vì Công ty K đã vi phạm Hợp đồng thi công số VN-20107 ngày 05/6/2020 và Điều 302, 303 Luật Thương mại năm 2005. Đề nghị buộc Công ty K phải bồi thường thiệt hại cho Công ty L số tiền 1.420.615.000 đồng. Số tiền thiệt hại này của Công ty L là do Công ty K vi phạm từ việc tự dừng thực hiện hợp đồng cụ thể là: Để thực hiện Hợp đồng số VN20107A ngày 22/6/2020 đã ký giữa Công ty L với Công ty A (nhà thầu phụ), ngày 22/6/2020 Công ty L đã thanh toán tạm ứng 30% giá trị hợp đồng tương đương 1.499.840.000 đồng cho Công

ty Á. Chi phí Công ty L phải thanh toán cho nhà thầu phụ Công ty Á do ngừng thực hiện hợp đồng là 1.450.365.000 đồng, chi phí lãi vay là 325.000.000 đồng. Tổng cộng là 3.275.215.006 đồng. Ngày 22/6/2020, Công ty K đã thanh toán tạm ứng cho Công ty L số tiền 1.854.600.000 đồng tương đương 30% giá trị Hợp đồng số VN-20107 ngày 05/6/2020. Số tiền này sẽ căn trừ vào số tiền thiệt hại của Công ty L. Tổng thiệt hại của Công ty L là $3.275.215.006 - 1.854.600.000 = 1.420.615.000$ đồng. Vì vậy, Công ty L yêu cầu Công ty K phải thanh toán thiệt hại cho Công ty L số tiền 1.420.615.000 đồng vì lỗi dẫn đến vi phạm hợp đồng là do Công ty K gây ra. Tại phiên tòa sơ thẩm Công ty L chỉ yêu cầu Công ty K thanh toán cho Công ty L số tiền 1.346.163.000 đồng.

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Trong quá trình tham gia tố tụng, Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất cơ khí Á trình bày:

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L đã ký hợp đồng gia công với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất cơ khí Á (Gọi tắt là Công ty Á) số VN20107A ngày 22 tháng 6 năm 2020. Sau khi ký hợp đồng gia công, Công ty L đã chuyển cho Công ty Á số tiền 1.499.850.000 đồng để chuẩn bị vật tư gia công hàng hóa. Việc ký hợp đồng giữa Công ty L và Công ty Á không có sự tham gia của Công ty K, đồng thời Công ty K cũng không biết thỏa thuận về hợp đồng gia công hàng hóa giữa Công ty Á với Công ty L.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty Á đã mua đầy đủ vật tư thiết bị để thực hiện gia công hàng hóa và đã gia công được 30,2% tổng sản lượng như thỏa thuận của Hợp đồng số VN20107A ngày 22 tháng 6 năm 2020. Sau đó, Công ty L đã hủy hợp đồng với Công ty Á vì Công ty TNHH K VN đã đơn phương chấm dứt Hợp đồng số VN20107 với Công ty L. Từ đó, Công ty Á với Công ty L đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng số VN20107A ngày 22 tháng 6 năm 2020. Vì Công ty Á không vi phạm hợp đồng nên Công ty L đã thanh toán cho Công ty Á số tiền 2.875.763.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản và tiền mặt. Số tiền trên đã bao gồm tiền mà Công ty L trả trước 30% giá trị Hợp đồng số VN20107A ngày 22 tháng 6 năm 2020. Nội dung thể hiện tại Biên bản thỏa thuận chấm dứt hợp đồng VN20107A vào ngày 28 tháng 6 năm 2021. Do đó, Công ty Á không có liên quan và không có yêu cầu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn cũng như yêu cầu phản tố của bị đơn với nguyên đơn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

3.2. Trong quá trình tham gia tố tụng Công ty TNHH K2 VN trình bày:

Ngày 22/6/2020, Công ty TNHH K2 VN đã chuyển khoản số tiền 1.854.600.000 đồng cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L theo yêu cầu của Công ty K. Đến ngày 17/12/2020, Công ty K đã hoàn trả khoản thanh toán này lại cho Công ty TNHH K2 VN. Vì vậy, Công ty TNHH K2 VN không có liên quan đến vụ án. Nên xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

3.3. Trong quá trình tham gia tố tụng, Công ty TNHH Tư vấn dự án S trình bày:

Công ty TNHH Tư vấn dự án S (viết tắt là Công ty S) và Công ty K ký hợp đồng số: C/S/2020-12 vào ngày 09/7/2020. Theo hợp đồng này thì Công ty K thuê Công ty S kiểm tra thiết kế và giám sát thi công cho Công trình “Nhà máy hóa chất K” tại địa điểm: cụm công nghiệp C 1, xã C, thị xã T, tỉnh B. Trong hợp đồng đã ký có nội dung giám sát chất lượng của sản phẩm là bồn inox chứa dung dịch hóa chất mà Công ty L thi công cho Công ty K. Công ty K đã thanh toán cho Công ty S chi phí kiểm tra bản vẽ thiết kế và kiểm tra bảng khối lượng cho thiết kế bồn theo tiêu chuẩn API650 là 81.550.000 đồng và chi phí giám sát công tác chế tạo bồn tại công trường của nhà thầu thi công tại tỉnh Đ là 312.544.000 đồng. Tổng cộng là 394.094.000 đồng. Công ty TNHH Tư vấn dự án S đã nhận đủ số tiền trên, không có ý kiến gì liên quan đến vụ án và đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

4. Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P đã tuyên như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K VN đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L về tranh chấp hợp đồng thi công.

- Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L phải thanh toán cho Công ty TNHH K VN số tiền tính đến ngày 12 tháng 5 năm 2023 là 3.036.899.000 đồng (Ba tỷ, không trăm ba mươi sáu triệu, tám trăm chín mươi chín nghìn đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L với Công ty TNHH K VN.

- Tuyên chấm Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty TNHH K VN với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L với Công ty TNHH K VN về việc buộc Công ty TNHH K VN thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L số tiền 1.346.163.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo.

5. Ngày 24/5/2023, Tòa án nhân dân thị xã P nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH K VN và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L.

5.1. Công ty TNHH K VN đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P theo hướng: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn không phải nộp án phí do yêu cầu phản tố của bị đơn được chấp nhận về việc “Chấm dứt hợp đồng thi công VN 20107”.

5.2. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12

tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty L rút một phần yêu cầu phản tố và một phần yêu cầu kháng cáo được Công ty K chấp nhận về việc: Công ty L không yêu cầu Công ty K phải bồi thường thiệt hại cho Công ty L số tiền 1.346.163.000 đồng. Công ty L chấp nhận trả lại cho Công ty K số tiền mà Công ty L đã tạm ứng. Lý do mà Công ty L rút một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo là vì: Văn bản có tiêu đề Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 được ký kết giữa Công ty K với Công ty L thì theo ý kiến của Công ty L cho rằng chưa phải là hợp đồng chính thức có hiệu lực nên không có giá trị bắt buộc cho hai bên phải thực hiện. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bị đơn giữ nguyên một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ và không thỏa thuận được với nhau về vấn đề tranh chấp.

6. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH K VN về việc Công ty K không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của Công ty L được chấp nhận về việc chấm dứt hợp đồng thi công vì: Trong đơn khởi kiện của Công ty K không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công nhưng cũng không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công. Công Ty K khởi kiện yêu cầu Công ty L phải trả lại tiền tạm ứng trước và bồi thường thiệt hại do Công ty L chấm dứt hợp đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty K đã bao hàm việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công nên yêu cầu của Công ty L về việc chấm dứt hợp đồng thi công là không phải yêu cầu phản tố.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L về việc Tòa án sơ thẩm tính lãi mà Công ty L phải thanh toán cho Công ty K đối với số tiền mà Công ty L đã ứng trước là không đúng với quy định tại Điều 3 và Điều 18 của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Về phạt hợp đồng thì chỉ phạt một lần và phạt 8% đối với số tiền ứng trước là phù hợp với Điều 301 của Luật thương mại chứ không phạt 0,01%/ngày vi phạm/ tổng giá trị hợp đồng.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P theo hướng như đã phân tích ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của Công ty TNHH K VN và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Công ty TNHH K VN, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Công ty TNHH K VN khởi kiện Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L để yêu cầu thanh toán tiền tạm ứng, tiền phạt do chấm dứt hợp đồng thi công. Quan hệ pháp luật được xác định “Tranh chấp hợp đồng thi công”. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L là bị đơn có trụ sở tại thị xã P nên Tòa án nhân dân thị xã P thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Bà Lui Hiu C là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K VN vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho Công ty Luật TNHH N do ông Nguyễn Trọng H là người đại diện theo pháp luật và ông H có mặt. Ông Chương Séc K là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông Phùng Văn H1 và ông H1 có mặt. Ông Nguyễn Đức T, bà Lui Hiu C, ông Nguyễn Ngọc Á vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt bà Lui Hiu C, ông Chương Séc K, ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Ngọc Á là đúng quy định tại Điều 228, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4]. Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty TNHH K VN và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L có nội dung cơ bản như sau: Công ty L chế tạo và lắp đặt chín (09) bồn chứa 50 KL (Tương đương 50m³) bằng thép không gỉ 304 cho Công ty K. Tổng giá trị hợp đồng là 6.182.000.000 đồng. Công ty K thanh toán trước cho Công ty L 30% giá trị dự toán của hợp đồng là 1.854.600.000 đồng. Số tiền còn lại được thanh toán sau khi hoàn tất sản phẩm theo yêu cầu. Trước khi thi công, Công ty L phải đề xuất kế hoạch công việc và sau khi được Công ty K chấp thuận để làm căn cứ cho công việc gia công thiết bị tiến hành. Công ty K có quyền chỉ định đơn vị giám sát độc lập. Phạt hợp đồng là 0,01%/ tổng giá trị hợp đồng/ ngày vi phạm.

Theo thỏa thuận tại Điều 4 của hợp đồng thì Công ty K chuyển cho Công ty L số tiền 1.854.600.000 đồng tương đương 30% giá trị hợp đồng. Ngày 22/6/2020, Công ty K ủy quyền cho Công ty TNHH K2 VN (là Công ty con của K2 International Company Limited) chuyển tiền cho Công ty L. Công ty L xác nhận đã nhận được số tiền 1.854.600.000 đồng.

Để thực hiện hợp đồng đã ký với Công ty K, Công ty L ký hợp đồng số VN20107A ngày 22 tháng 6 năm 2020 thuê Công ty A chế tạo và lắp đặt chín (09) bồn chứa 50 KL (Tương đương 50m³) bằng thép không gỉ 304 nhưng không thông qua ý kiến của Công ty K. Thực tế Công ty A đã chuẩn bị vật tư và thi công được 30,2% tổng khối lượng công việc. Tại thời điểm này, Công ty K yêu cầu Công ty S thực hiện giám sát việc thi công theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký. Khi giám sát,

Công ty S cho rằng để đảm bảo chất lượng thì sản phẩm phải được sản xuất theo tiêu chuẩn CNS hoặc API 650. Do đó, Công ty K đã yêu cầu Công ty L sản xuất sản phẩm theo tiêu chuẩn mà Công ty S khuyến cáo. Ngày 29/12/2020, Công ty K và Công ty L đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác trong đó các bên xác định sản phẩm bồn chứa theo tiêu chuẩn API650, Công ty L chịu chi phí phát sinh theo yêu cầu đầu tiên là 379.000.000 đồng; chi phí phát sinh theo yêu cầu thứ hai do Công ty K chịu là 639.000.000 đồng. Ngoài biên bản ghi nhớ nói trên, các bên không có thêm thỏa thuận nào khác. Do đó, Biên bản ghi nhớ đã lập ngày 29/12/2020 được xem như phụ lục của Hợp đồng VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty TNHH K VN và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L. Mặt khác, bản ghi nhớ này được người đại diện hợp pháp của hai công ty ký và nội dung không trái pháp luật nên có giá trị buộc các bên thi hành.

Theo tiêu chuẩn API650 thì thành bồn phải có độ dày tối thiểu là 5mm, đường kính trong của cửa người chui là 500mm. Mặc dù các bên có thỏa thuận như trên nhưng Công ty L đã sản xuất một số hạng mục, trong đó có thang lồng, lan can, miệng cổ cửa người chui có đường kính trong 435mm, sản phẩm sản xuất không theo tiêu chuẩn API 650. Để khắc phục lỗi này, Công ty K đồng ý cho Công ty L hàn thêm thanh gia cường viền theo bên ngoài thành bồn. Riêng hạng mục cửa chui phải làm lại. Bởi vì theo báo giá trong hợp đồng thì đường kính là 600mm, theo tiêu chuẩn API là 500mm, tuy nhiên thực tế phía Công ty L đã thi công đường kính chỉ có 435mm là không đáp ứng tiêu chuẩn cũng như theo hợp đồng, gây khó khăn cho Công ty K trong quá trình vận hành.

Công ty L không thực hiện theo các thỏa thuận nói trên. Ngày 08/01/2021 và ngày 09/01/2021 Công ty L gửi thông báo không tham gia cuộc họp khởi công với Công ty K và Công ty S với lý do dự án xây dựng ở hiện trường, đơn vị giám sát đã đưa ra ý kiến ảnh hưởng đến tiến độ thi công, làm tăng chi phí so với dự toán ban đầu nên Công ty L không tiếp tục thi công. Các bên sau đó đã có những trao đổi để tiếp tục thực hiện thỏa thuận nhưng không thống nhất. Ngày 11/6/2021, Công ty L đã tự ý thanh lý toàn bộ vật tư chuẩn bị cho việc thi công chế tạo và lắp đặt chín (09) bồn chứa 50 KL bằng thép không gỉ 304 cho Công ty K mà chưa được sự chấp thuận từ K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty L xác định Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty TNHH K VN và Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L có hiệu lực bắt buộc phải thi hành hành. Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty L rút một phần yêu cầu phản tố và một phần yêu cầu kháng cáo. Công ty L không yêu cầu Công ty K phải bồi thường thiệt hại cho Công ty L số tiền 1.346.163.000 đồng. Công ty L chấp nhận trả lại cho Công ty K số tiền mà Công ty L đã tạm ứng. Lý do mà Công ty L rút một phần yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo là vì: Văn bản có tiêu đề Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 được ký kết giữa Công ty K với Công ty L thì theo ý kiến của Công ty L cho rằng chưa phải là hợp đồng chính thức có hiệu lực nên không có giá trị bắt buộc cho hai bên phải thực hiện. Việc Công ty L cho rằng Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 chưa có hiệu lực để buộc các bên phải thực hiện là không có căn cứ bởi vì: Hợp đồng này do người đại diện theo pháp luật của Công ty L và Công ty K ký kết. Các bên đã thực hiện hợp đồng

mà cụ thể là Công ty K đã chuyển cho Công ty L 30% số tiền ứng trước của tổng giá trị hợp đồng; Công ty L đã ký hợp đồng thuê nhà thầu là Công ty A để thực hiện Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020; Người đại diện theo pháp luật của Công ty L và Công ty K đã ký 02 biên bản ghi nhớ; Công ty A đã thực hiện được 30,2% khối lượng công việc của hợp đồng; Công ty K đã ký hợp đồng thuê Công ty S giám sát thi công và đã thực hiện việc giám sát có xác nhận của Công ty L. Nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 hợp pháp và có hiệu lực thi hành.

Tại Điều 6 của hợp đồng, các bên có thỏa thuận: “*Trước khi thi công phải đề xuất kế hoạch công việc sau khi đã được bên A chấp thuận để làm căn cứ cho công việc gia công thiết bị tiến hành giá trị phát sinh*” và Điều 7 “*Bên A có quyền chỉ định đơn vị giám sát.....trong hợp đồng này*”.

Sau khi ký biên bản ghi nhớ hợp tác ngày 29/12/2020, Công ty L đã không hợp tác với đơn vị giám sát (Công ty S), không tham gia họp khởi công. Công ty L đề nghị Công ty K là khi thi công đơn vị giám sát (Công ty S) không được tham gia nhưng Công ty K không đồng ý nên Công ty L đã đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không được sự đồng ý của Công ty K. Việc Công ty L đưa ra những lý do và yêu cầu như đã viện dẫn ở trên để đơn phương chấm dứt hợp đồng đã ký với Công ty K là vi phạm thỏa thuận tại Điều 6 và Điều 7 của hợp đồng cũng như vi phạm các điều kiện về đình chỉ hợp đồng, hủy bỏ hợp đồng được quy định tại các Điều 310, Điều 311, Điều 312 và Điều 313 của Luật thương mại. Như vậy, lỗi dẫn đến đình chỉ thực hiện Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty K và Công ty L thuộc về Công ty L. Do đó, Công ty L phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do lỗi của mình gây ra.

Công ty K yêu cầu buộc Công ty L phải thanh toán lại số tiền đã tạm ứng 30% là 1.854.600.000 đồng. Lãi suất trả chậm 10%/năm tạm tính từ ngày 22/06/2020 đến 08/05/2023 (ngày tuyên án sơ thẩm): $1.854.600.000 \times 10\%/12/30 \times 34,5 \text{ tháng} = 533.197.500 \text{ đồng}$. Phạt quá hạn mỗi ngày là 0,01% theo tổng giá trị hợp đồng đã ký tạm tính từ ngày 22/6/2020 đến 08/5/2023 (ngày tuyên án sơ thẩm): $0.01\% \times 6.182.000.000 \times (34,5 \text{ tháng} \times 30 \text{ ngày}) 1035 \text{ ngày} = 646.637.200 \text{ đồng}$. Mức phạt vi phạm hợp đồng: $8\% \times 1.854.600.000 \text{ đồng} = 148.368.000 \text{ đồng}$. Tiền trả cho đơn vị tư vấn giám sát S để kiểm tra thiết kế bồn và giám sát chế tạo bồn là 394.094.000 đồng. Tổng số tiền là: $1.854.600.000 + 533.197.500 + 646.637.200 + 148.368.000 + 394.094.000 = 3.576.896.700 \text{ đồng}$. Đồng thời đồng ý chấm dứt hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty K với Công ty L.

Xét thấy, Công ty K đã thanh toán cho Công ty L 30% giá trị Hợp đồng số VN20107 ngày 05/6/2020 là 1.854.600.000 đồng nhưng hợp đồng chấm dứt thực hiện là do lỗi của Công ty L nên Công ty L phải trả lại cho Công ty K 1.854.600.000 đồng là có căn cứ.

Về mức lãi chậm trả mà Công ty K yêu cầu là 10%/năm thì thấy:

Tại khoản 1 Điều 18 Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn chi tiết về hợp đồng xây dựng quy định: “*Tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh*

phí mà bên giao thầu ứng trước không lãi suất cho bên nhận thầu để thực hiện công tác chuẩn bị cần thiết trước khi triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng”.

Như vậy việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty L phải trả lãi cho Công ty K 386.375.000 đồng là không phù hợp.

Theo thỏa thuận tại Điều 5 và Điều 9 của hợp đồng thi công số VN20107 thì số tiền phạt hợp đồng mà bên vi phạm phải chịu là 0,01% /ngày/tổng giá trị của hợp đồng thi công. Tổng giá trị của hợp đồng là 6.182.000.000 đồng. Như đã phân tích ở trên thì Công ty L vi phạm hợp đồng nên phải chịu phạt hợp đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày mà Công ty L vi phạm hợp đồng là ngày mà Công ty L đơn phương chấm dứt hợp đồng là ngày 11/6/2021 là có cơ sở. Từ ngày 11/6/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 12/5/2023 là 23 tháng = 700 ngày. Tiền phạt $6.182.000.000 \text{ đồng} \times 0,01\% \times 700 \text{ ngày} = 432.740.000 \text{ đồng}$. Theo quy định tại các Điều 300, 301 của Luật thương mại thì mức phạt hợp đồng không được vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là $8\% \times 6.182.000.000 \text{ đồng} = 494.560.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền phạt mà Công ty K yêu cầu Công ty L phải chịu thấp hơn mức quy định tại các Điều 300, 301 của Luật thương mại nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty L phải trả cho Công ty K số tiền 432.740.000 đồng phạt do vi phạm hợp đồng là có căn cứ.

Tại Điều 5 và Điều 9 của Hợp đồng thi công số VN20107 đã có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng 8% đối với số tiền thanh toán trước là 1.854.600.000 đồng. Vì vậy, Công ty K yêu cầu Công ty L phải chịu phạt theo thỏa thuận này với số tiền 148.368.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của Công ty K là không hợp lý bởi vì: Việc vi phạm hợp đồng thì Công ty L đã phải chịu tiền phạt 0,01%/ ngày/tổng giá trị hợp đồng vi phạm nên không thể phạt 02 lần đối với một vi phạm. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của Công ty K là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty K.

Theo Điều 7 của Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 thì Công ty K đã ký Hợp đồng dịch vụ số: C/S/2020-12, ngày 09/7/2020 để thuê Công ty TNHH Tư vấn dự án S thực hiện việc giám sát sản phẩm do Công ty L thi công là phù hợp với quy định tại các Điều 181, 182 Luật thương mại cũng như thỏa thuận tại Điều 7 của hợp đồng. Sau khi ký hợp đồng, Công ty K đã thanh toán cho Công ty S số tiền 394.094.000 đồng. Công ty TNHH Tư vấn dự án S đã thực hiện hợp đồng có xác nhận của Công ty L là Công ty L không chấp nhận cho Công ty S thực hiện việc giám sát. Công ty K đã thanh toán tiền cho Công ty TNHH Tư vấn dự án S 394.094.000 đồng được các bên xác nhận là hợp lý. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty L phải thanh toán cho Công ty K số tiền 394.094.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu kháng cáo của Công ty K về việc Công ty K không chấp nhận chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của Công ty L về việc chấm dứt Hợp đồng thi công số VN20107 ngày 05/6/2020 được chấp nhận thì thấy: Trong đơn khởi kiện của Công ty K không yêu cầu chấm dứt hợp đồng thi công nhưng cũng không yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thi công. Công ty K khởi kiện yêu cầu Công ty L phải trả lại tiền tạm ứng trước và bồi thường thiệt hại do Công ty L chấm dứt hợp đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của Công ty K đã bao hàm việc yêu cầu

chấm dứt hợp đồng thi công thì mới giải quyết được việc trả lại tiền ứng trước và bồi thường thiệt hại. Vì vậy, yêu Cầu của Công ty L về việc chấm dứt hợp đồng thi công không phải yêu cầu phản tố nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty K.

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty L phải trả cho Công ty K là $1.854.600.000đ + 432.740.000đ + 394.094.000đ = 2.681.434.000$ đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của Công ty L buộc Công ty K thanh toán số tiền 1.346.163.000 đồng thì tại phiên tòa phúc thẩm Công ty L đã rút yêu cầu này và được Công ty K chấp nhận nên đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của Công ty L.

[5]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K VN được chấp nhận một phần nên Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền mà Công ty L phải trả cho Công ty K là 2.681.434.000 đồng. Án phí được tính: $72.000.000đồng + (681.434.000đồng \times 2\%) = 85.628.680$ đồng.

- Do yêu cầu phản tố của Công ty L đòi Công ty K bồi thường số tiền 1.346.163.000 đồng không được chấp nhận nên Công ty L phải chịu án phí là: $36.000.000đồng + (546.163.000đồng \times 3\%) = 52.385.000đồng$ (làm tròn).

- Tổng số tiền án phí mà Công ty L phải chịu: $85.628.680$ đồng + $52.385.000đ$ = $138.013.680$ đồng.

- Yêu cầu khởi kiện của Công ty K đối với Công ty L không được chấp nhận với số tiền $3.576.896.700$ đồng - $2.681.434.000$ đồng = $895.462.700$ đồng nên Công ty K phải chịu án phí có giá ngạch được tính là: $36.000.000đồng + (895.462.700$ đồng $\times 3\%) = 38.863.881$ đồng.

[6]. Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty K; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty L; chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P theo như nhận định trên.

[7]. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do bản án kinh doanh thương mại bị sửa một phần nên Công ty K và Công ty L không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 30, 35, 40, 228, 296, 299; khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 300, 301, 310, 311, 312, 313 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH K VN; Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã P.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH K VN đối với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L về tranh chấp hợp đồng thi công.

- Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thi công số VN-20107 ngày 05/6/2020 giữa Công ty TNHH K VN với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và cơ khí L kể từ ngày 12 tháng 5 năm 2023.

- Buộc Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L phải thanh toán cho Công ty TNHH K VN số tiền là 2.681.434.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm tám mươi một triệu, bốn trăm ba mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L với Công ty TNHH K VN về việc buộc Công ty TNHH K VN thanh toán cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L số tiền 1.346.163.000 đồng (Một tỷ, ba trăm bốn mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

3. Về án phí;

3.1. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 138.013.680 đồng (Một trăm ba mươi tám triệu, không trăm mười ba ngàn, sáu trăm tám mươi đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.758.000 đồng (Mười bảy triệu, bảy trăm năm mươi tám ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006707 ngày 07/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P. Vì vậy, Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L còn phải nộp số tiền 120.255.680 đồng (Một trăm hai mươi triệu, hai trăm năm mươi lăm ngàn, sáu trăm tám mươi đồng).

- Công ty TNHH K VN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 38.863.881 đồng (Ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi một đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 48.470.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, bốn trăm bảy mươi ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006434 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH K VN số tiền 9.606.119 đồng (Chín triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn, một trăm mười chín đồng).

3.2. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty TNHH K VN không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH K VN số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0007155 ngày 31/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P.

- Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ và Cơ khí L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) theo Biên lai thu số 0007133 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã P.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án. (05/10/2023)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã P;
- VKS nhân dân thị xã P;
- TAND thị xã P;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Châu